

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 28-6-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hươn

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 314/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976.

- *Bị đơn:* Anh Tô Bá S, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Khu A, Ấp B, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L và anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Tô bá S chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 28 tháng 4 năm 2003. Việc kết hôn do chị và anh S đều tự nguyện. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tô bá S. Nguyên nhân chị L yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung

sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm sống và anh S không lo làm ăn. Chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Chị L và anh S có 01 người con chung là cháu Tô Bá Trường G, sinh ngày 31/8/2004. Nếu ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L khai chị và anh S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Lời khai của anh Tô bá S tại hồ sơ thể hiện:

Anh và chị L chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 28 tháng 4 năm 2003, việc kết hôn do cả hai tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con và anh có lời nói xúc phạm chị L. Giữa anh và chị L sống ly thân nhau từ tháng 02/2019 đến nay, quá trình sống ly thân anh có bàn bạc để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn, anh S không đồng ý vì giữa anh và chị L đã có con chung với nhau.

Về con chung: Anh S khai giữa anh và chị L có 01 con chung tên Tô Bá Trường G, sinh ngày 31/8/2004. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu G cho chị L nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh S khai không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để anh và chị L tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Anh S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; giao con chung là cháu Tô Bá Trường G, sinh ngày 31/8/2004 cho chị L nuôi dưỡng, chị L nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Tô bá S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật

Tổ tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Tô bá S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Tô Bá S xây dựng gia đình với nhau năm 2003 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 28 tháng 4 năm 2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị L xin ly hôn anh S với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con và anh S không lo làm ăn, phía anh S cũng thừa nhận mâu thuẫn trên là đúng. Giữa anh S và chị L đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay nhưng anh S không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị L mà anh S mong muốn được đoàn tụ để về chung sống nuôi dạy con chung.

Xét quan hệ hôn nhân của chị L và anh S thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thể hiện quá trình chung sống chị L và anh S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân từ tháng 02/2019, trong thời gian sống ly thân chị L và anh S không thể hòa giải đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, có đủ cơ sở xác định chị L và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh S có 01 người con chung là cháu Tô Bá Trường G, sinh ngày 31/8/2004. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, anh S cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu G cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L nuôi con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Nguyễn Thị L đối với anh Tô Bá S.

Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Tô Bá S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Tô Bá Trường G, sinh ngày 31/8/2004 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Tạm thời anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001476 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị L và anh S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã ĐH (GCNKH số 45 ngày 28/4/2003) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phước – Trần Thị Hồng Phượng

Bùi Thị Minh Thảo